

Bản án số: 58/2018/HS-ST
Ngày 29 tháng 5 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH PHÚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thanh Bình

Ông Phùng Đình Bàn

- **Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Vũ Thị Phương Thao - Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố V.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa:** Bà
Cao Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Phúc, thôn G, xã KL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 50/2018/ HSST ngày 04 tháng 5 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2018/QĐXX ngày 18/5/2018, đối với các bị cáo:

1, Bùi Xuân H, sinh ngày 28 tháng 03 năm 1985; nơi cư trú: Thôn LB, thị trấn HH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Xuân H1 (đã chết) và bà Phan Thị B1; vợ: Trương Thị Như Y và có 01 con, sinh năm 2011; 02 tiền án: Tại Bản án số 244/2014/HSST ngày 11/11/2014 của Tòa án nhân dân Quận N, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt Bùi Xuân H 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, trị giá tài sản trộm cắp là 3.500.000đ. Ngày 11/04/2015 ra trại; tại Bản án số 306/2016/HSST ngày 15/11/2016 của Tòa án nhân dân Quận HK, thành phố Hà Nội xử phạt Bùi Xuân H 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, trị giá tài sản trộm cắp là 2.149.000đ. Ngày 10/04/2017 ra trại. Ngày 25/4/2017 chấp hành xong án phí; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/01/2018 đến ngày 17/01/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giữ sang cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt.

2, Nguyễn Quang T, sinh ngày 27 tháng 12 năm 1975; nơi cư trú: Thôn YT, xã AH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc Kh và bà Hoàng Thị H2; vợ: Trần Thị H3 và có 02 con, lớn

sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 2000; tiền án: Không; tiền sự: 01. Quyết định số 57/QĐ-XPHC ngày 17/8/2017, Công an huyện TD xử phạt vi phạm hành chính (phạt tiền 350.000đ) đối với Nguyễn Quang T về hành vi “Đánh bạc”, đã nộp phạt ngày 22/8/2017; nhân thân: Ngày 15/10/2016, Công an huyện TD xử phạt vi phạm hành chính (phạt tiền 1.000.000đ) đối với Nguyễn Quang T về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Sau khi ra Quyết định, Công an huyện TD đã tiến hành triệu tập, xác minh 02 lần để giao Quyết định xử phạt hành chính nhưng địa phương và gia đình cũng không biết T ở đâu. Công an huyện TD đã nộp lưu hồ sơ theo quy định và không tiếp tục tiến hành triệu tập, giao Quyết định xử phạt hành chính cho T cũng như đơn đốc việc thực hiện Quyết định, đến nay đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/01/2018 đến ngày 17/01/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giữ sang cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phan Thị B, sinh năm 1949; trú tại: Thôn LB, thị trấn HH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 08/01/2018, Bùi Xuân H gọi điện thoại cho Nguyễn Quang T (là bạn nghiện ma túy với H) rủ T góp tiền cùng đi mua ma túy Heroin về sử dụng, T đồng ý. H điều khiển xe máy BKS: 88F4 – 8534 từ nhà mình đến chỗ T đi xuống thành phố V để mua ma túy. Đi đến khu vực chợ tạm thành phố V thuộc đường TQT, phường NQ, thành phố V cả hai gặp một người phụ nữ (theo T là tên Ph, bạn nghiện quen biết của T), T bảo H dừng xe lại, rồi T một mình đi bộ sang bên đường đối diện gặp Ph. Theo T khai nhận, tại đây Ph có đưa cho T 500.000đ để nhờ T mua ma túy Heroin và hẹn T khi nào mua được ma túy sẽ mang đến khu vực cổng Trung tâm Y tế thành phố V đưa cho Ph. T cầm tiền quay lại chỗ H đang đứng chờ bên đường. T đưa cho H 600.000đ (trong đó có 500.000đ là tiền Ph vừa đưa và 100.000đ là tiền của T) để H đi mua ma túy về cùng sử dụng. H cầm tiền rồi một mình điều khiển xe đi vào ngõ 4 đường TQT, phường NQ, thành phố V gặp một người phụ nữ (không rõ tên, tuổi và địa chỉ cụ thể) và đưa cho người này 700.000đ (trong đó có 600.000đ là tiền T vừa đưa và H góp thêm 100.000đ) để mua 04 gói ma túy Heroin. Sau khi mua được ma túy, H quay lại chỗ T đứng chờ và đưa cho T 04 gói ma túy Heroin rồi điều khiển xe chở T về. Trên đường về, T bảo H chở đến cổng Trung tâm Y tế thành phố V để gặp Ph (mục đích để T đưa cho Ph ma túy). Khi cả hai vừa đến cổng Trung tâm Y tế thành phố V thuộc phường TS, thành phố V thì bị Tổ công tác Công an phường TS kiểm tra hành chính phát hiện, thu giữ: Tại tay phải của Nguyễn Quang T 04 gói giấy nhỏ bên trong có chứa chất

bột màu trắng (T và H khai nhận đó là ma túy Heroin vừa mua, được niêm phong vào phong bì thư ký hiệu A1); tạm giữ của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstelvò màu vàng và số tiền 200.000đ, tạm giữ của H 01 xe máy BKS 88F4 – 8534 và số tiền 20.000đ.

Tại Kết luận giám định số 29/KLGD ngày 12/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: “Chất bột, cục màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy lẫn tạp chất, loại Heroine. Khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,5511g (không phẩy năm năm một một gam, không kể bao bì). Khối lượng Heroine có trong 0,5511 gam mẫu là 0,1931g (không phẩy một chín ba một gam). Hoàn trả trực tiếp đối tượng giám định còn lại sau giám định cho cơ quan trưng cầu gồm: 0,3277 gam mẫu và toàn bộ bao gói được niêm phong kín trong cùng một bao gói giấy “Mẫu trả”.

Ngoài hành vi nêu trên, tại Cơ quan điều tra, Bùi Xuân H còn khai nhận trước đó ngày 07/01/2018, H còn mua 01 gói ma túy Heroin với giá 200.000đ của người phụ nữ này và đã sử dụng hết.

Tại Cáo trạng số: 56/CT-VKS-VY ngày 03/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố các bị cáo Bùi Xuân H, Nguyễn Quang T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo Bùi Xuân H theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Nguyễn Quang T theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo Bùi Xuân H, Nguyễn Quang T khai nhận thành khẩn về hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị B khai: Ngày 08/01/2018, Bùi Xuân H mượn bà chiếc xe máy BKS 88F4 – 8534 để đi chơi; Việc H sử dụng xe máy đi mua ma túy về sử dụng bà không biết. Ngày 15/03/2018, Cơ quan CSĐT Công an thành phố V đã trả lại xe máy này cho bà B, bà B đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo H, xử phạt bị cáo H từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo T, xử phạt bị cáo T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ; đề nghị áp dụng khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 để giải quyết vật chứng của vụ án, xác nhận việc trả tài sản là hợp pháp; không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo.

Các bị cáo Bùi Xuân H, Nguyễn Quang T không bào chữa và tranh luận gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của các bị cáo Bùi Xuân H, Nguyễn Quang T tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau; phù hợp về thời gian, địa điểm, mục đích, động cơ phạm tội; phù hợp với biên bản phạm tội quả tang; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với vật chứng đã thu giữ; phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 11 giờ 30 phút 08/01/2018, Bùi Xuân H rủ và dùng xe máy BKS 88F4 – 8534 chở Nguyễn Quang T mua ma túy để sử dụng, T đưa cho H 600.000đ, H góp 100.000đ. Sau đó, H mua được 04 gói ma túy ra đưa cho T cầm. Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 08/01/2018, tại khu vực cổng Trung tâm y tế thành phố V thuộc phường Tích Sơn, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, Tổ công tác Công an phường Tích Sơn kiểm tra phát hiện bắt giữ Bùi Xuân H và Nguyễn Quang T có hành vi tàng trữ trái phép 04 gói ma túy Heroin. Thu giữ 04 gói giấy nhỏ bên trong có chứa 0,5511 gam chất bột màu trắng (qua giám định có ma túy Heroin), khối lượng Heroin trong mẫu vật là 0,1931 gam, 01 điện thoại di động, 01 xe máy BKS 88F4 – 8534 và số tiền 220.000đ.

Hành vi của các bị cáo H, T như trên đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bùi Xuân H đã có 02 tiền án chưa được xóa án tích, đã tái phạm nay lại phạm tội do cố ý, do vậy lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Nội dung điều luật quy định:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

...

o, Tái phạm nguy hiểm."

Tội phạm và hình phạt đối với Nguyễn Quang T được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Nội dung điều luật quy định:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy...thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine ... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý xã hội được pháp luật bảo vệ. Heroin là một trong số những chất ma túy gây nghiện nguy hiểm do Nhà nước ta độc quyền quản lý, Nhà nước nghiêm cấm các hành vi mua bán, sản xuất, tàng trữ,...trái phép chất

ma túy vì tính chất nguy hiểm, nghiêm trọng của nó. Tàng trữ trái phép chất ma túy là tiền đề để từ đó hành vi mua bán hay sử dụng trái phép chất ma túy được thực hiện, từ đó góp phần tạo nên những người nghiện ma túy. Nghiện ma túy làm con người bị lệ thuộc vào ma túy, nhiều khi không làm chủ được bản thân, kinh tế bị ảnh hưởng; nó là một trong những nguyên nhân gây lây nhiễm căn bệnh thể kỷ HIV, và từ đó có thể nảy sinh ra nhiều tệ nạn xã hội cũng như hành vi phạm tội khác như trộm cắp, cướp giật, lừa đảo chiếm đoạt tài sản ..., gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội. Mặc dù, Nhà nước ta có những quy định để xử lý nghiêm khắc đối với hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy, tuy nhiên hiện nay loại tội phạm này vẫn chưa giảm, mà diễn biến ngày càng phức tạp, tinh vi làm quần chúng nhân dân phần nộ, bất bình.

Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo trong vụ án này thấy rằng: Bị cáo H là đối tượng rủ rờ, thực hiện hành vi mua ma túy để sử dụng; bản thân đã có 02 tiền án: Tại Bản án số 244/2014/HSST ngày 11/11/2014 của Tòa án nhân dân Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt Bùi Xuân H 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, trị giá tài sản trộm cắp là 3.500.000đ, ngày 11/04/2015 ra trại; và tại Bản án số 306/2016/HSST ngày 15/11/2016 của Tòa án nhân dân Quận HK, thành phố Hà Nội xử phạt Bùi Xuân H 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, trị giá tài sản trộm cắp là 2.149.000đ, ngày 10/04/2017 ra trại, cả hai bản án này của H đều chưa được xóa án tích nhưng H không chịu khó tu dưỡng, cải tạo làm con người lương thiện làm ăn chân chính, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Đối với bị cáo T trước khi phạm tội cũng đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc; đã từng tàng trữ ma túy bị xử phạt hành chính (tuy đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính) nhưng điều đó cũng thể hiện T là người không tuân thủ pháp luật. Trong vụ án này, ngay sau khi được H rủ mua ma túy để sử dụng T đã đồng ý, góp tiền để mua ma túy chung với H. Các bị cáo trong vụ án không có sự bàn bạc, phân công cụ thể, mang tính nhất thời và là đồng phạm giản đơn; H, T đều mắc vào tệ nạn xã hội (sử dụng ma túy), biết rõ tác hại của ma túy nhưng vì nhu cầu sử dụng ma túy của mình vẫn thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy bất chấp quy định của pháp luật. Ngoài lần bị cáo H bị bắt quả tang, bị cáo còn khai nhận còn 01 mua ma túy để sử dụng. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần xử các bị cáo mức hình phạt nghiêm minh tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc đến tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo H, T đó là: Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Ngoài ra, bị cáo H có bố được tặng Huân chương kháng chiến chống mỹ Hạng nhì, mẹ được tặng Huy chương kháng chiến chống mỹ Hạng nhất nên còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật

Hình sự 2015. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không. Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tù trên mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp, mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai báo phù hợp với quy định của pháp luật và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[3] Về đối tượng liên quan và vật chứng:

Đối với người phụ nữ bán ma túy cho H ở ngõ 4, đường TQT, phường NQ, thành phố V, Bùi Xuân H khai không rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể mà H chỉ biết qua bạn bè xã hội giới thiệu, nói có một người phụ nữ khoảng 60 tuổi trong ngõ 4 đường TQT, phường NQ bán ma túy nên H đến tìm gặp và hỏi mua ma túy. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại Công an phường NQ, thành phố V về người phụ nữ có đặc điểm nhận dạng như lời khai của H (người bán ma túy cho H ngày 08/01/2018), kết quả rà soát xác minh nhưng chưa xác định được đối tượng này, do vậy Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh khi nào làm rõ xử lý sau là phù hợp.

Đối với người phụ nữ tên Ph: Theo Nguyễn Quang T khai là bạn xã hội của T, T không rõ họ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể. T khai, ngày 08/01/2018, Ph có đưa cho T số tiền 500.000đ để góp chung mua ma túy với T, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại Công an phường TS và Công an phường NQ, thành phố V về người phụ nữ tên Ph có đặc điểm nhận dạng như T đã khai nhưng chưa xác định được đối tượng này, do vậy Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh khi nào làm rõ xử lý sau là phù hợp.

Đối với số tiền 200.000đ thu giữ của Nguyễn Quang T và số tiền 20.000đ thu giữ của Bùi Xuân H. Qua điều tra xác định số tiền này là do T và H đi làm lao động mà có, không liên quan đến hành vi phạm tội do vậy cần trả lại cho T và H nhưng cần tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, vỏ màu vàng thu giữ của Nguyễn Quang T: Ngày 08/01/2018, T sử dụng điện thoại này để liên lạc với H cùng đi mua ma túy về sử dụng, do vậy cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với xe máy BKS 88F4 – 8534 tạm giữ của Bùi Xuân H: Qua điều tra xác định xe máy này là của bà Phan Thị B (mẹ đẻ của H) mua lại của anh Đỗ Cao L, sinh năm 1972 ở xã TL, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc với giá 3.500.000đ vào cuối năm 2012. Sau khi mua chiếc xe, bà B không làm thủ tục sang tên đăng ký xe và sử dụng làm phương tiện đi lại. Ngày 08/01/2018, H mượn bà B xe máy trên để đi chơi, rồi sử dụng xe máy đi mua ma túy về sử dụng bà B không biết. Do vậy ngày 15/03/2018, Cơ quan CSĐT Công an thành phố V đã trả lại xe máy này cho bà B;

bà B đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với chiếc điện thoại di động H sử dụng gọi cho T để rủ T cùng đi mua ma túy: H khai nhận mượn điện thoại của bà B (mẹ đẻ của H) để liên lạc với T, sau khi gọi cho T xong, H đã trả lại chiếc điện thoại trên cho bà B. Khi mượn điện thoại, H không nói với bà B là sử dụng để gọi T đi mua ma túy và bà B cũng không biết việc này, do vậy CQĐT không đề cập xử lý đối với chiếc điện thoại trên là phù hợp.

Đối với số ma túy và toàn bộ bao gói còn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015.

[5] Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Bùi Xuân H: 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành hình phạt tù nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 08/01/2018 đến ngày 17/01/2018.

Căn cứ vào: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T: 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành hình phạt tù nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 08/01/2018 đến ngày 17/01/2018.

Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu vàng của Nguyễn Quang T là phương tiện sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy 0,3277 gam ma túy Heroine và toàn bộ bao gói hoàn lại sau giám định.

- Trả lại cho Bùi Xuân H số tiền 20.000 đồng và trả lại cho Nguyễn Quang T số tiền 200.000 đồng, không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo.

(Các vật chứng có đặc điểm theo như biên bản giao nhận vật chứng ngày 04 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Bùi Xuân H, Nguyễn Quang T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS + VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Mạnh